

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực núi Hòn Ách, xã Phước Mỹ,
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thanh Huy**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực núi Hòn Ách, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thanh Huy tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 12/5/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực núi Hòn Ách, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 09/CV-TH ngày 04/6/2021 của Công ty TNHH Thanh Huy;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 432/TTr-STNMT ngày 04/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thanh Huy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực núi Hòn Ách, xã Phước Mỹ, thành phố Quy

Nhon, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã Phước Mỹ theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Công ty phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giao UBND thành phố Quy Nhơn, UBND xã Phước Mỹ phối hợp giám sát việc khai thác của Công ty TNHH Thanh Huy đúng theo các cam kết trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND xã Phước Mỹ;
- Công ty TNHH Thanh Huy;
- CVP, PCVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI KHU VỰC HÒN
ÁCH, XÃ PHƯỚC MỸ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH THANH HUY

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hòn Ách, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thanh Huy.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Tổ 10, khu vực 5, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3880368.

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 2,5 ha.

- Thời gian khai thác: 06 tháng (theo thời hạn hoàn thành công trình tại các Hợp đồng thi công).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 07h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Tổng trữ lượng mỏ: 128.019 m³ đất địa chất.

1.5. Mục đích khai thác theo Văn bản số 2373/UBND-KT ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh: phục vụ thi công xây dựng công trình Khu dân cư phía Bắc khu tái định cư Tiểu dự án vệ sinh môi trường (phần mở rộng), công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu đất cạnh đường vào Trạm y tế xã Phước Mỹ (phần mở rộng), công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 2).

1.6. Phương pháp khai thác

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Mở moong khai thác đầu tiên ở phía Đông Bắc (điểm góc số 2) tại cos +42m đến cos +37,6m; đồng thời, san gạt phía Tây Nam Dự án để tạo mặt bằng cos trung bình +24m để bố trí các công trình phụ trợ.

- Giai đoạn khai thác: Bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Đông Bắc, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác; cos kết thúc khai thác +20m. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,6 m³) để khai thác và xe 15 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo quy định của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.7. Hạng mục, công trình của Dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: hồ lắng 02 ngăn phía Tây Nam Dự án (nằm ngoài khu vực khai thác) thể tích khoảng 1.584 m³; mương thu gom nước mưa về hồ lắng có tổng chiều dài khoảng 381 m; mương dẫn nước từ hồ lắng ra suối cạn phía Tây Nam dài khoảng 89 m; kè chắn phía Tây Dự án dài khoảng 133 m.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất, kích thước: dài 181m x rộng 4m), được lắp cống tại đoạn giao với mương thu gom nước mưa.

- Khu vực phụ trợ phía Tây Nam mỏ (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 200 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết xe.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở vách núi, ảnh hưởng đến khu vực trại dê phía Tây mỏ.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,8 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 11.166,7 m³/ngày (được tính cho ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 11,3 ha).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 10 kg/6 tháng.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 03 kg/6 tháng.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ (kích thước: dài 381m x rộng 1,5m x sâu 1m) và mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 89m x rộng 1,5m x sâu 1m). Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng 02 ngăn phía Tây Nam mỏ, tọa độ (1.519.670; 594.679), thể tích khoảng 1.584 m³ (dài 44m x rộng 12m x sâu 3m), được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số K_q= 0,9 và K_f = 0,9).

- Quy trình thu gom, xử lý

+ Nước mưa chảy tràn → mương thu gom → hồ lắng phía Tây Nam → mương dẫn nước ra suối cạn phía Tây Nam mỏ.

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác			
1.	Tháo dỡ 02 cống thoát nước.	≤ 2 tấn	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
2.	Tháo dỡ kè phía Tây khu mỏ.	66,5 m ³		
3.	Tháo dỡ lán trại tạm.	10 m ²		
4.	Tháo dỡ nhà vệ sinh di động.	01 cái		
5.	San gạt mặt bằng Dự án.	11.365 m ³	Không tạo hố lồi lõm, tạo độ dốc về phía Nam thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực Dự án.	2,5 ha	Phủ xanh khu vực khai thác.	Sau khi kết thúc khai thác.
II	Khu vực ngoài khai thác			
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại Dự án.	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi triển khai dự án và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2.	Tháo dỡ 01 công thoát nước bên ngoài khu vực Dự án.	≤ 2 tấn	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
3.	San lấp hồ lắng.	1.584 m ³		
4.	San lấp mương thu gom, thoát nước.	238,5 m ³		
5.	Tháo dỡ rọ đá.	88 m ³		
6.	Đo vẽ địa hình trong và ngoài khu vực khai thác.	2,8 ha		

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **275.344.000 đồng**
(Hai trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tạo bờ dừng khu vực phía Nam mở đảm bảo không gây sạt lở trong quá trình khai thác.

- Xây dựng kè chắn nước phía Tây mở, kết cấu bằng đá chẻ, kích thước: dài 133m x rộng 0,5m x cao 1,0m.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 01 hồ lắng 02 ngăn phía Tây Nam; hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn; mương thoát nước từ hồ lắng ra suối cạn phía Tây Nam; kè chắn phía Tây Dự án.

- Nhà vệ sinh di động.

- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm gần nhà dân đầu đường vào khu vực dự án; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.4. Giám sát kè phía Tây mỏ, không để xảy ra sự cố sạt lở ảnh hưởng đến khu vực trại dê phía Tây.